



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ
THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 35
8. Phụ lục	36 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi theo Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300649250 ngày 09 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ 655.893.456.506 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 729.664.068.506 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 38 922 258 - (08) 38 922 613

Fax : (08) 37 961 355

Mã số thuế : 0300649250

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị Địa chỉ

Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gồm:

- Hoạt động công ích: Quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; Quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Hoạt động kinh doanh khác: Dịch vụ về cấp nước, thải nước khu dân cư; Thi công xây lắp công trình thủy lợi và dân dụng; Đo đạc địa chính; Lập dự toán công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí giao thông, thủy lợi; Sản xuất và cung ứng giống cây trồng và vật nuôi các loại; Kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ và mua bán sản phẩm nông nghiệp; Tư vấn kỹ thuật nông nghiệp; Lập dự toán công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; Lập dự án quy hoạch, dự án đầu tư công trình cấp thoát nước, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, cơ khí thuộc dự án nhóm B; Xây dựng các công trình bến cảng, kho bãi; Mua bán các mặt hàng phục vụ cho nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị, vật tư, sản phẩm, nguyên liệu ngành xây dựng và thủy lợi, thương mại, dịch vụ; Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi (xây dựng và hoàn thiện); Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp (xây dựng và hoàn thiện).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).



Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trường Xuân	Chủ tịch	21 tháng 7 năm 2010	01 tháng 02 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Đức	Chủ tịch	01 tháng 02 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Đam	Thành viên	21 tháng 7 năm 2010	-
Ông Bùi Kinh Luân	Thành viên	21 tháng 7 năm 2010	-
Ông Hứa Văn Hồng Linh	Thành viên	21 tháng 7 năm 2010	-
Ông Phạm Văn Nhiên	Thành viên	30 tháng 5 năm 2014	-

Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Kiểm soát viên	07 tháng 02 năm 2012

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Đam	Giám đốc	21 tháng 7 năm 2010
Ông Hứa Văn Hồng Linh	Phó Giám đốc	26 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Văn Nhiên	Kế toán trưởng	26 tháng 4 năm 2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Đàm
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0391/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ
CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh, được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định hữu hình bao gồm thiết bị quản lý và tài sản cố định hữu hình khác – Tài sản phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các Ban quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8) được ghi tăng tài sản cố định hữu hình và tăng nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Các tài sản cố định hữu hình nêu trên được ghi nhận theo giá trị tại ngày bàn giao và không được tính khấu hao. Theo chúng tôi, việc ghi nhận như trên chưa phản ánh đúng giá trị của tài sản cố định hữu hình và chi phí khấu hao trong năm. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi cũng không thể định lượng được khoản khấu hao bổ sung này bằng các thủ tục kiểm toán thay thế và không đảm bảo tính hiện hữu của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2015

Lê Thị Ánh Nguyệt - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1815-2013-008-1

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		84.168.668.596	116.683.736.613
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.065.367.331	11.375.613.106
1. Tiền	111		15.065.367.331	11.375.613.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.487.435.044	88.818.918.734
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	20.497.308.253	21.633.646.128
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	36.751.241.125	65.135.372.452
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.238.885.666	2.225.673.154
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(175.773.000)
IV. Hàng tồn kho	140		5.004.231.308	12.837.173.388
1. Hàng tồn kho	141	V.4	5.004.231.308	12.837.173.388
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.611.634.913	3.652.031.385
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	254.489.845	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	3.357.145.068	3.652.031.385

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.386.627.368.118	1.241.428.602.651
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.166.013.805	2.672.195.923
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	2.166.013.805	2.672.195.923
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.379.986.272.938	1.233.843.117.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	731.593.499.230	720.601.103.187
<i>Nguyên giá</i>	222		777.558.445.844	756.122.207.773
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.964.946.614)	(35.521.104.586)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	246.535.507	284.803.987
<i>Nguyên giá</i>	228		696.892.750	696.892.750
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(450.357.243)	(412.088.763)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	648.146.238.201	512.957.210.682
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	3.000.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.475.081.375	1.913.288.872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.475.081.375	1.787.099.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	126.189.301
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.470.796.036.714	1.358.112.339.264

15-C
 TỶ
 ỨU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 Ồ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Tràm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.042.293.965	99.233.598.342
I. Nợ ngắn hạn	310		92.110.766.515	79.808.374.279
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	600.000.000	600.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.15	20.436.705.667	24.334.377.458
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	56.039.453.964	40.845.382.267
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.142.263.423	1.329.114.587
5. Phải trả người lao động	315		6.496.756.871	5.983.533.472
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.803.985.398	4.466.048.726
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.19	2.591.601.192	2.249.917.769
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.931.527.450	19.425.224.063
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.21	199.826.298	434.118.298
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	2.202.105.995	4.799.602.694
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	5.400.000.000	5.090.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.24	2.893.446.364	8.955.381.957
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		236.148.793	146.121.114
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.367.753.742.749	1.258.878.740.922
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.367.588.701.749	1.258.709.097.840
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	655.893.456.506	655.893.456.506
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.25	73.770.612.000	60.109.520.000
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	1.530.791.170	1.530.791.170
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	(42.276.784.246)	(23.958.238.305)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	V.25	678.670.626.319	565.133.568.469
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		165.041.000	169.643.082
1. Nguồn kinh phí	432		165.041.000	165.041.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	4.602.082
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.470.796.036.714	1.358.112.339.264

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chỉ sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu

Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.382.257.458	89.815.698.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	102.382.257.458	89.815.698.403
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100.875.410.247	88.115.235.017
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.506.847.211	1.700.463.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	270.327.357	261.222.438
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	787.939.957	1.041.973.292
Trong đó: chi phí lãi vay	23		749.269.998	1.011.788.125
8. Chi phí bán hàng	24		257.210.690	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	19.706.582.433	16.941.316.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.974.558.512)	(16.021.603.953)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.466.137.800	8.066.847.757
12. Chi phí khác	32	VI.7	164.976.223	530.221.414
13. Lợi nhuận khác	40		1.301.161.577	7.536.626.343
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(17.673.396.935)	(8.484.977.610)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	518.959.705	664.563.537
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	126.189.301	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.318.545.941)	(9.149.541.147)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

Phạm Ngọc Lan
Người lập biểuPhạm Văn Nhiên
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đàm
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(17.673.396.935)	(8.484.977.610)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	10.477.508.426	9.753.794.721
- Các khoản dự phòng	03		(175.773.000)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	172.188.301
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	749.269.998	1.011.788.125
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.622.391.511)	2.452.793.537
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.159.337.627)	(21.041.295.608)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.832.942.080	9.947.521.549
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.899.590.957	18.675.720.602
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		312.018.196	185.588.393
- Tiền lãi vay đã trả	13		(749.269.998)	(1.366.294.789)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(700.978.518)	(782.069.631)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	111.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(1.355.080.727)	(1.672.815.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.542.507.148)	6.510.648.899
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(114.557.409.477)	(177.471.442.936)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	199.999.900
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(114.557.409.477)	(177.271.443.036)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	143.924.644.820	174.625.732.291
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(7.444.973.970)	(667.970.189)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23	2.960.000.000	3.442.359.434
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23	(2.650.000.000)	(11.055.781.708)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		136.789.670.850	166.344.339.828
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.689.754.225	(4.416.454.309)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.375.613.106	15.792.067.415
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.065.367.331	11.375.613.106

Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu

Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đàm
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH Một thành viên nhà nước
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thi công xây lắp công trình thủy lợi; Dịch vụ cấp nước, thải nước Khu dân cư; Quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, thủy nông trên địa bàn thành phố; Quản lý nước phục vụ dân sinh, kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 245 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 220 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình áp dụng Chế độ Kế toán cho đơn vị Chủ đầu tư được ban hành theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Các quy định của Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Tràm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	4 - 12

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 5 - 20 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí khác

Các chi phí di dời, sửa chữa,... phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 10 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Hội đồng thành viên quyết định thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau hoặc tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 5% trên giá trị công trình trước thuế.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu cho hoạt động quản lý khai thác thủy lợi.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu cho hoạt động kinh doanh khác.

14. Trích lập các quỹ

Theo điều lệ của Công ty, lợi nhuận thực hiện sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo qui định tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 71/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Quyết toán tài chính hàng năm được phê duyệt của Chi cục Tài chính doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

15-4
TY
ƯU H.
TƯ V.
C
CH

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	74.859.161	79.813.328
<i>Văn phòng Công ty</i>	36.113.232	61.278.845
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	38.745.929	18.534.483
Tiền gửi ngân hàng	14.990.508.170	11.295.799.778
<i>Văn phòng Công ty</i>	5.208.940.637	5.590.421.930
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	9.781.567.533	5.705.377.848
Cộng	15.065.367.331	11.375.613.106

2. Phải thu khách hàng

Phải thu về hoạt động xây dựng.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	36.701.741.125	65.090.372.452
<i>Văn phòng Công ty</i>	3.555.989.920	695.422.710
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	33.145.751.205	64.394.949.742
Trả trước cho người bán khác (Văn phòng Công ty)	49.500.000	45.000.000
Cộng	36.751.241.125	65.135.372.452

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.988.576.734	12.822.286.388
Hàng hóa	15.654.574	14.887.000
Cộng	5.004.231.308	12.837.173.388

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

6. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng còn phải thu.

7. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ứng trước cho nhà thầu xây dựng của Văn phòng Công ty.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại phụ lục I đính kèm.

Trong đó các tài sản cố định có nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 693.087.553.507 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 680.776.460.507 VND) phục vụ hoạt động thủy lợi công ích nhận bàn giao từ các Ban quản lý dự án của TP. Hồ Chí Minh không được tính khấu hao.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	660.892.750	36.000.000	696.892.750
Số cuối năm	660.892.750	36.000.000	696.892.750
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	376.088.763	36.000.000	412.088.763
Khấu hao trong năm	38.268.480	-	38.268.480
Số cuối năm	414.357.243	36.000.000	450.357.243

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	284.803.987	-	284.803.987
Số cuối năm	246.535.507	-	246.535.507
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	511.083.832	2.164.651.754
Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình ⁽ⁱ⁾	647.635.154.369	510.792.558.928
Cộng	648.146.238.201	512.957.210.682

(i) Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình được trình bày tại phụ lục 2 đính kèm.

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu - Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông với số lượng 300.000 cổ phiếu.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	264.027.075	490.202.653	(492.500.774)	261.728.954
Chi phí khác	1.523.072.496	1.078.888.862	(1.388.608.937)	1.213.352.421
Cộng	1.787.099.571	1.569.091.515	(1.881.109.711)	1.475.081.375

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí bảo hành công trình.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	126.189.301	126.189.301
Hoàn nhập trong năm	(126.189.301)	-
Cộng	-	126.189.301

14. Vay ngắn hạn

Vay cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định trong năm là 12%/năm.
Trong năm không phát sinh vay và chi trả nợ vay.

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhà thầu xây dựng	20.432.205.667	24.329.877.458
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>10.605.509.559</i>	<i>11.284.304.829</i>
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	<i>9.826.696.108</i>	<i>13.045.572.629</i>
Phải trả cho nhà cung cấp khác (Văn phòng Công ty)	4.500.000	4.500.000
Cộng	20.436.705.667	24.334.377.458

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hoạt động xây dựng	6.251.037.705	9.834.198.567
Nhận tạm ứng kinh phí phục vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	49.788.416.259	31.011.183.700
Cộng	56.039.453.964	40.845.382.267

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.148.365.203	3.957.083.310	(4.036.761.471)	1.068.687.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	90.028.245	518.959.705	(700.978.518)	(91.990.568)
Thuế thu nhập cá nhân	32.194.315	1.410.478.334	(1.605.171.926)	(162.499.277)
Thuế tài nguyên	58.526.824	742.692.120	(727.642.563)	73.576.381
Tiền thuê đất	-	99.357.500	(99.357.500)	-
Các loại thuế khác	-	7.880.550	(7.880.550)	-
Cộng	1.329.114.587	6.736.451.519	(7.177.792.528)	887.773.578

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bán cây giống	Không chịu thuế
Cấp nước	5%
Xây lắp, đo đạc	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.673.396.935)	(8.484.977.610)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.537.061.893	11.143.231.758
- Các khoản điều chỉnh giảm	(504.757.207)	-
Thu nhập chịu thuế	2.358.907.751	2.658.254.148
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	518.959.705	664.563.537

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 2% đối với nước phục vụ tưới tiêu và 3% đối với nước phục vụ hoạt động khác.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội - Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	26.220.880	26.220.880
Kinh phí công đoàn	398.828.313	338.998.399
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>319.877.844</i>	<i>260.047.930</i>
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	<i>78.950.469</i>	<i>78.950.469</i>
Chênh lệch thu, chi chưa xử lý của Ban quản lý dự án	1.342.339.780	2.016.617.437
Phải trả các đội thi công – Văn phòng Công ty	1.910.268.416	1.227.569.000
Các khoản phải trả khác	1.126.328.010	856.643.010
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>805.174.000</i>	<i>519.928.001</i>
<i>Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình</i>	<i>321.154.010</i>	<i>336.715.009</i>
Cộng	4.803.985.398	4.466.048.726

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả liên quan đến bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.249.917.769	1.897.835.491
Tăng do trích lập	1.244.567.922	1.292.562.741
Số đã sử dụng	(188.768.244)	(705.957.300)
Số đã hoàn nhập	(714.116.255)	(234.523.163)
Số cuối năm	2.591.601.192	2.249.917.769

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(54.844.337)	(456.000.000)	(510.844.337)
Quỹ phúc lợi	(880.315.154)	(879.080.727)	(1.759.395.881)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(428.800.000)	(20.000.000)	(448.800.000)
Cộng	(1.363.959.491)	(1.355.080.727)	(2.719.040.218)

Công ty chưa trích lập quỹ do chưa được phân phối quỹ theo quy định. Số dư bên Nợ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành được trình bày trong chỉ tiêu Các khoản phải thu khác.

21. Phải trả dài hạn người bán

Phải trả các nhà cung cấp vật tư xây dựng công trình của Văn phòng Công ty.

22. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các đội thi công công trình của Văn phòng Công ty.



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23. Vay dài hạn**

Khoản vay cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cố định trong năm là 12%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.090.000.000	7.520.000.000
Số tiền vay phát sinh	2.960.000.000	570.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.650.000.000)	(3.000.000.000)
Số cuối năm	5.400.000.000	5.090.000.000

24. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là giá trị các công trình xây lắp đã được khách hàng trả tiền trước.

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại phụ lục 3 đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn quản lý khai thác	655.893.456.506	655.893.456.506
Vốn sản xuất kinh doanh	73.770.612.000	60.109.520.000
Cộng	729.664.068.506	716.002.976.506

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	102.382.257.458	89.815.698.403
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	89.591.352.019	84.600.373.737
- Doanh thu quản lý khai thác thủy lợi	12.790.905.439	5.215.324.666
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	102.382.257.458	89.815.698.403
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	89.591.352.019	84.600.373.737
- Doanh thu quản lý khai thác thủy lợi	12.790.905.439	5.215.324.666

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh	83.130.113.298	74.920.410.224
Giá vốn hoạt động quản lý khai thác thủy lợi	17.745.296.949	13.194.824.793
Cộng	100.875.410.247	88.115.235.017

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	76.771.657	61.222.538
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	193.555.700	199.999.900
Cộng	270.327.357	261.222.438

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	749.269.998	1.011.788.125
Chi phí khác	38.669.959	30.185.167
Cộng	787.939.957	1.041.973.292

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.404.811.178	10.502.514.296
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.909.519	241.527.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.601.455.035	2.415.871.650
Chi phí khác	5.504.406.701	3.781.403.114
Cộng	19.706.582.433	16.941.316.485

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành	707.164.499	234.523.163
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	209.090.910	151.127.654
Thu nhập từ thanh lý phế liệu	104.761.905	43.881.818
Thu bồi thường thiệt hại dự án Phước Hòa	-	6.989.780.577
Thu nhập khác	445.120.486	647.534.545
Cộng	1.466.137.800	8.066.847.757

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	390.488.201
Chi phí khác	164.976.223	139.733.213
Cộng	164.976.223	530.221.414

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.499.691.086	26.022.983.103
Chi phí nhân công	44.725.341.421	36.242.387.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.477.508.426	9.753.794.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.682.095.737	7.924.514.792
Chi phí khác	14.447.883.694	11.341.685.461
Cộng	112.832.520.364	91.285.366.056

HỌ TÊN
CÔN
CH NH
A TOA
A
INH-1

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận tài sản cố định từ các Ban quản lý dự án trong TP. Hồ Chí Minh ghi tăng nguồn vốn kinh doanh	13.661.092.000	60.107.180.212
Nhận công cụ, dụng cụ từ các Ban quản lý dự án trong TP. Hồ Chí Minh ghi tăng nguồn vốn kinh doanh	-	2.339.788

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Công ty có các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay tiền	660.000.000	570.000.000
Lãi tiền vay	157.386.665	242.423.332

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả với các thành viên Hội đồng thành viên là 1.880.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.970.000.000 VND).

2. Số liệu so sánh

Trong năm Công ty đã điều chỉnh số liệu năm trước theo Dự thảo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2012, 2013 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 7 năm 2014, Quyết định điều chỉnh lương năm 2013 theo Thông báo số 208/TB-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty và Biên bản Thanh tra thuế năm 2013 ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Số liệu theo Báo cáo tài chính					
	Mã số	tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Tài sản ngắn hạn	100	118.295.846.478	(1.612.109.865)	116.683.736.613	
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	88.730.718.525	88.200.209	88.818.918.734	
Phải thu khách hàng	131	21.544.439.981	89.206.147	21.633.646.128	(i)
Các khoản phải thu khác	135	2.226.679.092	(1.005.938)	2.225.673.154	
Hàng tồn kho	140	14.537.483.462	(1.700.310.074)	12.837.173.388	
Hàng tồn kho	141	14.537.483.462	(1.700.310.074)	12.837.173.388	(ii)
Tài sản dài hạn	200	1.241.699.021.192	(270.418.541)	1.241.428.602.651	
Tài sản cố định	220	1.234.170.506.262	(327.388.406)	1.233.843.117.856	
Tài sản cố định hữu hình	221	720.747.566.760	(146.463.573)	720.601.103.187	
Nguyên giá	222	756.008.508.081	113.699.692	756.122.207.773	(iii)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(35.260.941.321)	(260.163.265)	(35.521.104.586)	(iv)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	513.138.135.515	(180.924.833)	512.957.210.682	(v)
Tài sản dài hạn khác	260	1.856.319.007	56.969.865	1.913.288.872	
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.730.129.706	56.969.865	1.787.099.571	(vi)
Tổng cộng tài sản	270	1.359.994.867.670	(1.882.528.406)	1.358.112.339.264	
Nợ phải trả	300	109.127.952.867	(9.894.354.525)	99.233.598.342	
Nợ ngắn hạn	310	84.997.004.713	(5.188.630.434)	79.808.374.279	
Phải trả người bán	312	21.678.045.005	2.656.332.453	24.334.377.458	(vii)
Người mua trả tiền trước	313	47.896.772.997	(7.051.390.730)	40.845.382.267	(viii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.307.215.866	21.898.721	1.329.114.587	(ix)
Phải trả người lao động	315	6.981.533.472	(998.000.000)	5.983.533.472	(x)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.486.008.726	(19.960.000)	4.466.048.726	(xi)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	2.047.428.647	202.489.122	2.249.917.769	(xii)
Nợ dài hạn	330	24.130.948.154	(4.705.724.091)	19.425.224.063	
Phải trả dài hạn khác	333	4.056.027.694	743.575.000	4.799.602.694	(xiii)
Doanh thu chưa thực hiện	338	14.404.681.048	(5.449.299.091)	8.955.381.957	(xiv)
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	1.250.866.914.803	8.011.826.119	1.258.878.740.922	
Vốn chủ sở hữu	410	1.250.697.271.721	8.011.826.119	1.258.709.097.840	
Quỹ đầu tư phát triển	417	-	1.530.791.170	1.530.791.170	(xv)
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.529.974.870	(1.529.974.870)	-	(xv)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(31.969.248.124)	8.011.009.819	(23.958.238.305)	(xvi)
Tổng cộng nguồn vốn	440	1.359.994.867.670	(1.882.528.406)	1.358.112.339.264	

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	84.366.399.312	5.449.299.091	89.815.698.403	(xvii)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	84.366.399.312	5.449.299.091	89.815.698.403	
Giá vốn hàng bán	11	82.664.279.046	5.450.955.971	88.115.235.017	(xviii)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.702.120.266	(1.656.880)	1.700.463.386	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17.784.832.539	(843.516.054)	16.941.316.485	(xix)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(16.863.463.127)	841.859.174	(16.021.603.953)	
Thu nhập khác	31	922.867.180	7.143.980.577	8.066.847.757	(xx)
Chi phí khác	32	408.090.203	122.131.211	530.221.414	(xxi)
Lợi nhuận khác	40	514.776.977	7.021.849.366	7.536.626.343	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(16.348.686.150)	7.863.708.540	(8.484.977.610)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	638.464.816	26.098.721	664.563.537	(xxii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(16.987.150.966)	7.837.609.819	(9.149.541.147)	

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp					
Lợi nhuận trước thuế	01	(16.348.686.150)	7.863.708.540	(8.484.977.610)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.410.915.003)	7.863.708.540	2.452.793.537	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.953.095.399)	(88.200.209)	(21.041.295.608)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.247.211.475	1.700.310.074	9.947.521.549	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	28.421.957.548	(9.746.236.946)	18.675.720.602	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	242.558.258	(56.969.865)	185.588.393	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.838.037.305	(327.388.406)	6.510.648.899	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(177.798.831.342)	327.388.406	(177.471.442.936)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(177.598.831.442)	327.388.406	(177.271.443.036)	
(i) Phải thu khách hàng					
Tăng công nợ phải thu do kết chuyển thu nhập từ tiền đền bù hàng rào Công ty.					
(ii) Hàng tồn kho					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi phí đầu tư khu sản xuất Trung Lập Thượng				42.197.560	
Kết chuyển ghi nhận doanh thu các công trình đã hoàn thành nghiệm thu trong năm 2013:				(1.742.507.634)	
Gia cố kênh tưới N33-5 Xã Trung Lập Thượng				250.750.000	
Gia cố kênh tưới N39-2 kết hợp GTND Phước Thạnh				-	
Gia cố và nâng cấp kênh N25-2-9-2 xã Trung Lập Hạ				21.330.000	
Nạo vét gia cố bờ kết hợp GTNT kênh N25-10 xã An Thạnh Tây				-	
Nạo vét gia cố bờ kênh N25-6 xã An Tây				52.164.545	
Nạo vét gia cố kênh tiêu T36-2 xã Phước Thạnh				107.420.000	
Nạo vét Kênh tiêu Nước Nhĩ Xã Tân An Hội				371.559.090	
Nạo vét kênh tiêu Rọc Mía kết hợp xã Phước Hiệp				215.712.727	
Nạo vét gia cố trường cấp II xã Tân An Hội				291.522.727	
Nạo vét rạch Ngọn cùng ấp 6 xã Tân Thạnh Đông				432.048.545	
Cộng				(1.700.310.074)	
(iii) Nguyên giá tài sản cố định					
Điều chỉnh phân loại, tăng và giảm lại nguyên giá của các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị dưới 30 triệu VND.					
(iv) Giá trị hao mòn lũy kế					
Điều chỉnh phân loại, tăng và giảm lại khấu của các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị dưới 30 triệu VND.					
(v) Xây dựng cơ bản dở dang					

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các điều chỉnh bao gồm:	
Kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang tiền hàng rào Công ty sang chi phí khác	(138.727.273)
Kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang đầu tư khu sản xuất Trung Lập Thượng	(42.197.560)
Cộng	(180.924.833)
 (vi) Chi phí trả trước dài hạn	
Điều chỉnh phân loại, tăng và giảm lại nguyên giá của các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc có giá trị dưới 30 triệu VND.	
 (vii) Phải trả người bán	
Điều chỉnh tăng công nợ phải trả do kết chuyển bổ sung giá vốn các công trình đã nghiệm thu năm 2013 theo Biên bản Thanh tra thuế năm 2013 ngày 28 tháng 5 năm 2014.	
 (viii) Người mua trả tiền trước	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Kết chuyển tiền hàng rào Công ty	(60.793.853)
Bồi thường thiệt hại dự án đê bao Phước Hòa (tiền cấp bù)	(6.989.780.577)
Giảm khoản tiền ngân sách ứng trước do hoàn trả quỹ dự phòng tài chính	
khoản ngân sách đã cấp bù hụt thủy lợi phí năm 2011 theo Biên bản kiểm tra số tài chính	(816.300)
Cộng	(7.051.390.730)
 (ix) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Bổ sung thuế TNDN phải nộp theo Biên bản Thanh tra thuế năm 2013	26.098.721
Điều chỉnh giảm khoản thuế khác phải nộp từ nhiều năm trước do không còn số dư với ngân sách	(4.200.000)
Cộng	21.898.721
 (x) Phải trả người lao động	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Điều chỉnh giảm chi phí lương 2013 theo quyết định của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh	(828.000.000)
Sở tài chính giảm quỹ lương năm 2012 theo Biên bản kiểm tra Sở lao động và Thương binh Xã hội ngày 27 tháng 12 năm 2013	(170.000.000)
Cộng	(998.000.000)
 (xi) Các khoản phải trả, phải nộp khác	
Các điều chỉnh bao gồm:	
Điều chỉnh giảm các khoản trích theo phí lương 2013 theo quyết định của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh	(16.560.000)
Sở tài chính giảm các khoản trích theo lương năm 2012 theo Biên bản kiểm tra Sở lao động và Thương binh Xã hội ngày 27 tháng 12 năm 2013	(3.400.000)
Cộng	(19.960.000)

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**(xii) Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng bảo hành công trình ghi nhận doanh thu năm 2013

Gia cố kênh tưới N33-5 Xã Trung Lập Thượng	11.244.422
Gia cố kênh tưới N39-2 kết hợp GTND Phước Thạnh	67.418.900
Gia cố và nâng cấp kênh N25-2-9-2 xã Trung Lập Hạ	21.883.280
Nạo vét gia cố bờ kết hợp GTNT kênh N25-10 xã An Thạnh Tây	11.231.800
Nạo vét gia cố bờ kênh N25-6 xã An Tây	5.861.450
Nạo vét gia cố kênh tiêu T36-2 xã Phước Thạnh	4.248.300
Nạo vét Kênh tiêu Nước Nhĩ Xã Tân An Hội	28.633.850
Nạo vét kênh tiêu Rọc Mía kết hợp xã Phước Hiệp	15.501.250
Nạo vét gia cố trường cấp II xã Tân An Hội	16.982.400
Nạo vét rạch Ngọn cùng ấp 6 xã Tân Thạnh Đông	19.483.470
Cộng	202.489.122

(xiii) Phải trả dài hạn khác

Điều chỉnh tăng công nợ phải trả do kết chuyển bổ sung giá vốn các công trình đã nghiệm thu năm 2013 theo Biên bản Thanh tra thuế năm 2013.

(xiv) Doanh thu chưa thực hiện

Các điều chỉnh bao gồm tăng doanh thu các công trình đã nghiệm thu trong năm 2013:

Gia cố kênh tưới N33-5 Xã Trung Lập Thượng	511.110.000
Gia cố kênh tưới N39-2 kết hợp GTND Phước Thạnh	1.225.798.182
Gia cố và nâng cấp kênh N25-2-9-2 xã Trung Lập Hạ	994.695.455
Nạo vét gia cố bờ kết hợp GTNT kênh N25-10 xã An Thạnh Tây	510.536.364
Nạo vét gia cố kênh tiêu T36-2 xã Phước Thạnh	193.104.545
Nạo vét Kênh tiêu Nước Nhĩ Xã Tân An Hội	520.615.455
Nạo vét kênh tiêu Rọc Mía kết hợp xã Phước Hiệp	281.840.909
Nạo vét gia cố trường cấp II xã Tân An Hội	514.618.182
Nạo vét rạch Ngọn cùng ấp 6 xã Tân Thạnh Đông	590.408.181
Nạo vét gia cố bờ kênh N25-6 xã An Tây	106.571.818
Cộng	5.449.299.091

(xv) Tăng Quỹ đầu tư phát triển từ Quỹ dự phòng tài chính theo hướng dẫn xử lý số dư Quỹ dự phòng tài chính tại Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.**(xvi) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng do các điều chỉnh ghi nhận tăng thu nhập và chi phí.****(xvii) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch: tăng do kết chuyển doanh thu chưa thực hiện các công trình đã nghiệm thu theo Biên bản thanh tra thuế năm 2013.****(xviii) Giá vốn hàng bán: Tăng do kết chuyển giá vốn các công trình ghi nhận doanh thu theo Biên bản thanh tra thuế năm 2013**

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(xix) Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh giảm chi phí lương 2013 theo quyết định của Ủy ban nhân dân TP.

Hồ Chí Minh

(828.000.000)

Điều chỉnh giảm các khoản trích theo phí lương 2013 theo quyết định của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh

(16.560.000)

Tăng chi phí phân bổ công cụ dụng cụ được phân loại lại

1.043.946

Cộng

(843.516.054)

(xx) Thu nhập khác

Các điều chỉnh bao gồm:

Kết chuyển thu nhập tiền đền bù hàng rào Công ty

150.000.000

Kết chuyển thu nhập tiền cấp bù thiệt hại dự án đê bao Phước Hòa

6.989.780.577

Cộng

7.143.980.577

(xxi) Chi phí khác

Các điều chỉnh bao gồm:

Kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang tiền hàng rào Công ty sang chi phí khác

138.727.273

Kết chuyển chi phí khác (Chi phí trồng cây bạch đàn - Hóc Môn và Chi phí trồng cây tràm Uç TC2-5)

(17.602.000)

Xử lý khoản phải thu BHXH nhân viên đã nghỉ việc

1.005.938

Cộng

122.131.211

(xxii) Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp: tăng do bổ sung doanh thu, giá vốn theo Biên bản Thanh tra thuế năm 2013.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.065.367.331	-	15.065.367.331
Phải thu khách hàng	20.497.308.253	-	20.497.308.253
Các khoản phải thu khác	2.255.374.805	-	2.255.374.805
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	40.818.050.389	-	40.818.050.389
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.375.613.106	-	11.375.613.106
Phải thu khách hàng	21.457.873.128	175.773.000	21.633.646.128
Các khoản phải thu khác	2.672.195.923	-	2.672.195.923
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng	38.505.682.157	175.773.000	38.681.455.157

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	827.236.107	5.892.800.001	6.720.036.108
Phải trả người bán	20.436.705.667	199.826.298	20.636.531.965
Các khoản phải trả khác	5.628.197.618	2.202.105.995	7.830.303.613
Cộng	26.892.139.392	8.294.732.294	35.186.871.686
Số đầu năm			
Vay và nợ	956.926.028	5.144.207.123	6.101.133.151
Phải trả người bán	24.334.377.458	434.118.298	24.768.495.756
Các khoản phải trả khác	4.334.129.780	4.799.602.694	9.133.732.474
Cộng	29.625.433.265	10.377.928.115	40.003.361.381

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty là rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro về giá chứng khoán

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá biến động về giá của cổ phiếu đầu tư ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.065.367.331	-	11.375.613.106	-	15.065.367.331	11.375.613.106
Phải thu khách hàng	20.497.308.253	-	21.633.646.128	(175.773.000)	20.497.308.253	21.457.873.128
Các khoản phải thu khác	2.255.374.805	-	2.672.195.923	-	2.255.374.805	2.672.195.923
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	40.818.050.389	-	38.681.455.157	(175.773.000)	40.818.050.389	38.505.682.157

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	6.000.000.000	5.690.000.000	6.000.000.000	5.690.000.000
Phải trả người bán	20.636.531.965	24.768.495.756	20.636.531.965	24.768.495.756
Các khoản phải trả khác	7.830.303.613	9.133.732.474	7.830.303.613	9.133.732.474
Cộng	34.466.835.578	39.592.228.230	34.466.835.578	39.592.228.230

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản vay, các khoản phải thu dài hạn khác và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015



Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu



Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đam
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Trạm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.646.291.667	50.242.368.578	6.131.244.795	2.316.877.546	680.785.425.187	756.122.207.773
Tăng trong năm	2.074.128.103	3.468.633.968	2.126.784.000	1.455.599.000	12.311.093.000	21.436.238.071
Mua sắm mới	-	456.451.234	2.126.784.000	105.600.000	-	2.688.835.234
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.074.128.103	3.012.182.734	-	-	-	5.086.310.837
Nhà nước cấp	-	-	-	1.349.999.000	12.311.093.000	13.661.092.000
Số cuối năm	18.720.419.770	53.711.002.546	8.258.028.795	3.772.476.546	693.096.518.187	777.558.445.844
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.045.573.494	6.910.941.924	1.461.008.245	726.994.527	-	12.144.518.190
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	7.020.618.086	24.318.483.367	2.477.631.996	1.517.582.147	186.788.990	35.521.104.586
Khấu hao trong năm	1.667.314.366	7.522.454.760	819.641.111	416.270.897	18.160.894	10.443.842.028
Văn phòng Công ty	1.667.314.366	7.522.454.760	819.641.111	416.270.897	13.558.812	10.439.239.946
Ban quản lý dự án	-	-	-	-	4.602.082	4.602.082
Số cuối năm	8.687.932.452	31.840.938.127	3.297.273.107	1.933.853.044	204.949.884	45.964.946.614
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.625.673.581	25.923.885.211	3.653.612.799	799.295.399	680.598.636.197	720.601.103.187
Số cuối năm	10.032.487.318	21.870.064.419	4.960.755.688	1.838.623.502	692.891.568.303	731.593.499.230

Chi Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu

Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đam
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Tràm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 2: Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình

STT	Công trình xây dựng	Chi phí phát sinh trong năm				Số đã quyết toán trong năm	Cộng giá trị công trình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
		Cộng giá trị công trình tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	Chi phí xây lắp	Giá trị thiết bị	Chi phí khác	Cộng	
1.	Hệ thống tưới tiêu nước Suối Nhum	129.360.743.861	17.061.235.000	-	2.709.909.840	19.771.144.840	149.131.888.701
2.	Hồ cảnh quan mô phỏng Biển Đông	10.562.010.000	-	-	-	-	10.562.010.000
3.	Hệ thống công trình thủy lợi An Phú - Phú Mỹ Hưng	14.943.358.000	35.284.343.000	-	1.404.375.000	36.688.718.000	51.632.076.000
4.	Trạm bảo vệ nguồn lợi thủy sản Cần Giờ	9.094.523.000	-	-	16.160.000	16.160.000	-
5.	Nạo vét kênh T38	62.792.801.500	-	-	31.784.000	31.784.000	62.824.585.500
6.	Dự án PIM	2.286.282.500	-	-	-	-	2.286.282.500
7.	Đê bao sông Sài Gòn từ Rạch Sơn - Cầu Đen	20.789.823.000	7.734.294.000	-	150.187.000	7.884.481.000	28.674.304.000
8.	Đê bao sông Sài Gòn từ Thái Thái - Bến Súc	21.581.657.000	16.838.607.000	-	26.583.774.091	43.442.381.091	65.024.038.091
9.	Đê bao sông Sài Gòn từ Sông Lu - Lăng The	25.111.883.000	1.491.715.000	-	145.978.000	1.637.693.000	26.749.576.000
10.	Công trình 05 cống ngăn triều	130.928.619.200	27.199.034.000	-	8.205.895.956	35.404.929.956	166.333.549.156
11.	Công trình kiên cố hóa kênh N23	32.808.812.600	-	-	-	-	32.808.812.600
12.	Công trình SCADA	34.313.556.666	-	-	-	-	34.313.556.666
13.	Công trình nạo vét rạch Suối Cái	313.778.000	-	-	100.000.000	100.000.000	413.778.000
14.	Phòng chống lụt bão 2013	13.636.751.000	-	-	24.341.000	24.341.000	-
15.	Trạm khuyến nông	112.855.000	-	-	57.983.000	57.983.000	-
16.	Khu tưới Thái Mỹ	2.161.546.000	-	-	1.771.485.000	1.771.485.000	3.933.031.000
17.	Chênh lệch tiền bán hồ sơ mời thầu	(6.441.399)	-	-	1.741.554	1.741.554	(4.699.845)
18.	Phòng chống lụt bão 2014	-	10.426.289.000	1.061.999.000	1.464.078.000	12.952.366.000	12.952.366.000
Cộng		510.792.558.928	116.055.517.000	1.061.999.000	42.667.692.441	159.785.208.441	647.635.154.369



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2015

(Handwritten signature)

Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đàm
Giám đốc

Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Quốc lộ 22, ấp Tràm Bom, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

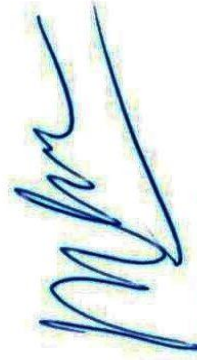
Phụ lục 3: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư và vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	655.893.456.506	1.529.974.870	(14.808.697.158)	443.634.588.367	1.086.249.322.585
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(9.149.541.147)	-	(9.149.541.147)
Tăng vốn ngân sách trong năm trước	60.109.520.000	-	-	-	60.109.520.000
Tăng nguồn vốn từ ngân sách trong năm trước của Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	-	-	-	174.625.732.291	174.625.732.291
Giảm nguồn vốn trong năm trước của Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	-	-	-	(52.458.782.000)	(52.458.782.000)
Hoàn trả ngân sách vốn cấp thừa của các công trình đã quyết toán	-	-	-	(667.970.189)	(667.970.189)
Lỗi quản lý khai thác được cấp bù	-	816.300	-	-	816.300
Số dư cuối năm trước	716.002.976.506	1.530.791.170	(23.958.238.305)	565.133.568.469	1.258.709.097.840
Số dư đầu năm nay	716.002.976.506	1.530.791.170	(23.958.238.305)	565.133.568.469	1.258.709.097.840
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(18.318.545.941)	-	(18.318.545.941)
Tăng vốn ngân sách trong năm nay	13.661.092.000	-	-	-	13.661.092.000
Tăng nguồn vốn từ ngân sách trong năm của Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	-	-	-	143.924.644.820	143.924.644.820
Giảm nguồn vốn trong năm của Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình	-	-	-	(22.942.613.000)	(22.942.613.000)
Hoàn trả ngân sách vốn cấp thừa của các công trình đã quyết toán	-	-	-	(7.444.973.970)	(7.444.973.970)
Số dư cuối năm nay	729.664.068.506	1.530.791.170	(42.276.784.246)	678.670.626.319	1.367.588.701.749

Vốn điều lệ đã thay đổi theo Quyết định 3195/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 6 năm 2013. Hiện nay, Công ty chưa hoàn tất thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.



Phạm Ngọc Lan
Người lập biểu



Phạm Văn Nhiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Giám đốc





